

The background features a light blue world map with white outlines of continents and countries. On the left side, there are three stylized balloons in green, light blue, and purple, each with yellow triangular rays emanating from them, suggesting a festive or celebratory theme.

**MÔN HỌC:**

**ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG  
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**GIẢNG VIÊN:**

**TS. PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG**

**Email: [phuongchunbk@gmail.com](mailto:phuongchunbk@gmail.com)**

## Chương VIII

# ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI



Nề liOn ViOt Nam vớ khu vực vự thỔ giớ



# **BỘ CỤC**

## **I. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1986**

- 1. Hoàn cảnh lịch sử**
- 2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng**
- 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

## **II. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

- 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối**
- 2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế**
  - a). Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo**
  - b). Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế**
- 3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

# I. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)

## 1. Hoàn cảnh lịch sử

- Tình hình thế giới
  - + Thuận lợi
  - + Khó khăn
- Tình hình trong nước
  - + Thời cơ
  - + Thách thức



## 2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng

- Đại hội lần thứ IV (12/1976): “ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta”
- Đại hội lần thứ V(3/1982): công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực trong đấu tranh nhằm làm thất bại trong chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta.

# - Kết quả

+ Quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường, trong đó đặc biệt là với Liên Xô. Ngày 29/6/1978, Việt Nam gia nhập hội đồng tương trợ kinh tế (khối SEV). Việc trợ hàng năm và kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khối SEV đều tăng (riêng ngoại thương chiếm 70% đến 80% kim ngạch buôn bán của Việt Nam). Ngày 31/11/1978, Việt Nam ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô.

+ Thực hiện chủ trương mở rộng quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế:

- . Từ năm 1975 đến 1977, nước ta đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước.
- . Ngày 15/9/1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).
- . Ngày 21/9/1976 tiếp nhận ghế thành viên chính thức Ngân hàng thế giới (WB).
- . Ngày 23/9/1976 gia nhập Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB).
- . Ngày 20/9/1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên hợp quốc; tham gia tích cực các hoạt động trong phong trào không liên kết...

# - *Hạn chế và nguyên nhân*

## + *Hạn chế:*

- . Từ những năm cuối thập kỷ 70 (thế kỷ XX), nước ta vừa bị bao vây, cấm vận về kinh tế, bị cô lập về chính trị, vừa phải đương đầu với “ một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của các thế lực thù địch.
- . Cuối những năm 70 của thế kỷ XX, khi đất nước ta rơi vào cuộc khủng hoảng lớn, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước diễn biến phức tạp và xung đột ở biên giới Tây Nam đã ít nhiều làm giảm sút vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

## + *Nguyên nhân:*

- . Chúng ta chưa nắm bắt được xu thế quốc tế chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua kinh tế. Do đó, đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.
- . Không kịp thời đổi mới quan hệ đối ngoại cho phù hợp với tình hình.
- . Tuy nhiên, suy cho cùng đều xuất phát từ nguyên nhân cơ bản đã được Đại hội Đảng lần thứ VI chỉ ra: “Là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan”.



## II. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

### 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

#### *a. Hoàn cảnh lịch sử*

- + Từ giữa thập kỷ 80, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ
- + Các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc.
- + Trong thời kỳ này, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp... vẫn còn, nhưng xu thế chung của thế giới là hòa bình, hợp tác, phát triển.
- + Xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó...
- + Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Trước những năm 90 của thế kỷ XX, khu vực này tồn tại một tứ giác quyền lực gồm Mỹ, Nhật, Liên Xô và Trung Quốc. Sang thập kỷ 90, với sự xuất hiện tam giác quyền lực mới (Mỹ, Nhật, Trung Quốc) tình hình khu vực có những chuyển biến lớn





## **- Yêu cầu của cách mạng VN**

+ Giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, tiến tới bình thường hóa và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước cần thiết và cấp bách với VN.

+Nhu cầu chống tụt hậu về kinh tế.



## ***b. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối***

- Giai đoạn 1986-1996: Xác lập và phát triển đường lối đối ngoại và độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.
- Giai đoạn 1996- 2008: Bổ sung và từng bước hoàn chỉnh đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế**

### ***a. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo***

#### ***- Cơ hội và thách thức***

#### ***- Mục tiêu đối ngoại***

- + Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.
- + Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Kết hợp nội lực với các nguồn lực bên ngoài tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- + Phát huy vai trò và nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ khu vực và quốc tế.

#### ***- Nhiệm vụ đối ngoại***

Giữ vững môi trường hòa, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

## **- Tư tưởng chỉ đạo**

- + Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của VN
- + Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.
- + Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế
- + Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội
- + Kết hợp đối ngoại của Đảng, đối ngoại Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Xác định hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân.
- + Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- + Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ...
- + Trên cơ sở thực hiện các cam kết gia nhập WTO, đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.
- + Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.



## ***b. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế***

- Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững
- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp
- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế
- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập
- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối với nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại
- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại

### 3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

#### *a. Thành tựu và ý nghĩa*

##### ***-Thành tựu:***

- + Một là, phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- + Hai là, giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.
- + Ba là, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.
- + Bốn là, tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.
- + Năm là, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.
- + Sáu là, từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh

## ***b. Hạn chế và nguyên nhân***

### ***- Hạn chế:***

- + Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng, bị động. Chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với các nước.
- + Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ gây khó khăn trong việc thực hiện các cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế.
- + Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.
- + Doanh nghiệp nước ta hầu hết quy mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ; trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trình độ trang thiết bị lạc hậu; kết cấu hạ tầng và các ngành dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất kinh doanh đều kém phát triển và có chi phí cao hơn các nước khác trong khu vực.
- + Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng; cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh; công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời.



## **- Nguyên nhân hạn chế**

+ Khách quan:

- . Tình hình thế giới diễn biến phức tạp khó lường trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội...
- . Liên Xô tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ.
- . Những mặt trái của sự bùng nổ cách mạng khoa học kỹ thuật và kinh tế thị trường thế giới.

+ Chủ quan:

- . Điểm xuất phát của chúng ta quá thấp về nhiều mặt nên trong quan hệ đối ngoại có nhiều hạn chế.
- . Chưa hoàn toàn chủ động trong việc xây dựng đường lối đối ngoại cũng như tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách đối ngoại nhất là trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- . Hiểu biết và kinh nghiệm hoạt động kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước còn nhiều hạn chế.





# Trọng tâm ôn tập

1. Phân tích hoàn cảnh ra đời và mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại những năm 1975-1985?
2. Phân tích chính sách đối ngoại của Đảng những năm 1975-1985? Ưu điểm? Hạn chế?
3. Phân tích những thay đổi to lớn trên thế giới, thời cơ và thách thức đối với cách mạng Việt Nam trong những năm đổi mới?
4. Hãy chứng minh rằng, trong nhận thức của Đảng về đổi mới đường lối đối ngoại những năm 1986- nay đã có những bước đột phá và phát triển quan trọng?
5. Hãy chứng minh rằng, đường lối đối ngoại đổi mới đã đáp ứng được nhu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?
6. Phân tích những nội dung cơ bản của đường lối đối ngoại đổi mới và chứng minh rằng, đường lối đó là đúng đắn, phù hợp?